



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE CONG DANH
Last Middle First

Current Address: 11 B/108 Bach Dang & Binh Thanh - HCM

Date of Birth: 1948 Place of Birth: Can Tho

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/26/75 To 06-14-83
Years: 8 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

Trại: Hòa Tân

(5)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

804 28/1

US trained

So/can
ODP.

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31/5/61 của Bộ Công An.
Thí hành quyết định tịn tha số 11/QĐ ngày 8 tháng 1 năm 1982
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh : LÊ CÔNG DANH

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh :

Sinh năm : 1943

Nơi sinh : Cần Thơ

Trú quán : II8/108 đường BACH ĐANG-quận Bình Thạnh.
TP/Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh
Ban chấp hành NHCT được

Đã trình diện ngày:

28 th 1 năm 1982

Quản chế: 12 tháng

kể từ ngày trình diện

7377

Cao tội

Đặt ngày

án phạt

Nay về cư trú tại:

: Trung Ủy-SQ kiểm soát nguồn tin quân báo

: 26/6/75

: TTCT

(không được cư trú trong thành phố, các nơi
khác do mình quyền địa phương qui định)

KHÁM XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : Đã ăn tâm cải tạo nhận thấy được tội lỗi tin
tưởng vào chính sách khoan hồng của cách mạng.

Lao động : Đảm bảo ngày công lao động tích cực có chất lượng có
ý thức bảo quản hoa màu tốt.

Nội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập : Tham gia học tập đều nhận thấy được tội lỗi.

(Quản chế 12 tháng)

Lên nguồn trở phải của:

LÊ CÔNG DANH.

(Đã có dấu lên tay)

Họ, tên chữ ký của người

được cấp giấy

(Đã ký tên)

LÊ CÔNG DANH

)/cây 11 tháng 1 năm 82

GIÁM THỊ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trung tá: PHẠM HUY

VI BẢO Y BẢN CHÍNH

Chứng thực Chữ ký 1/c. cũ

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82

Ngày 14 tháng 6 năm 82



DEPARTMENT OF THE AIR FORCE
HEADQUARTERS LOWRY TECHNICAL TRAINING CENTER (ATC)
LOWRY AIR FORCE BASE, COLORADO 80230

SPECIAL ORDER
TC-239

8 December 1970

The Secretary of the Air Force of the United States invites the following named personnel, Vietnamese Air Force, to proceed from Lowry Air Force Base, Colorado, on or about 23 December 1970, to Travis Air Force Base, California, reporting not later than 2400 hours, 27 December 1970, to MAC Passenger Service Counter, Passenger Terminal, for departure for homeland as indicated (trained under Project VS 71-101-F, Lines 83, 84 and 85, WCN 7114):

TH/TA (MAJOR)	TOAN, Ho Thanh	10250 VS	Line 83
TR/UY (2D LT)	LOC, Tran Gia	10251 VS	Line 84
CH UY (WO)	DANH, Le Cong	10252 VS	Line 85

Flight	Time	Date	AMD
TKP R2A3	0300	28 December 1970	SUU-SGN-2PT-FZ-12

Travel by military or commercial air, commercial rail or bus is authorized at MAP expense. Baggage allowance is 100 pounds or 5 pieces of baggage, including excess, when traveling by air. Trainees must insure they do not arrive POE with baggage weighing in excess of 100 pounds. Otherwise, excess must be mailed to homeland by the trainees, without interference with normal processing at POE for scheduled flight. An additional 50 pounds is authorized for instructional material to be shipped via surface means to students, care of AFAG/PTR, APO San Francisco 96307.

Living allowance will be as authorized by AFM 50-29. Students authorized and paid advance travel and living allowances due through 2400 hours, 28 December 1970, by Victor H. Peck, Major, USAF, symbol M5040.

Cost of living and travel allowances are chargeable to accounting classification: 5713400 301 6415 134950 10 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 164 1049 525003 TDN. Finance officers making payment on these orders will forward copies of paid vouchers to Hq ATC/ACFR, Randolph AFB TX 78148.

POV travel is not authorized.

Students are authorized delay en route to PAE not to exceed three days.

Dependents are not authorized to accompany trainees. Under no circumstances will dependents be transported or maintained at MAP or USAF expense.

TC-239

72/5 Bach Dang street
Gia Dinh

SO TC-239, HQ LOWY TECHNICAL TRAINING CENTER (ATC), Lowry AFB CO 80230,
8 December 1970.

Authority: AFM 50-29, Invitational Travel Order 0057-71, Hq United
States Military Assistance Command, Vietnam, 14 August 1970, and
instructions Hq ATC/XPKO, 4 November 1970, on AF Form 276, 2 November
1970.



THOMAS J MORGAN, Lt Col, USAF
Director of Administration

D. O. MONTEITH, Maj Gen, USAF
Commander

DISTRIBUTION

2-Hq USAF/SMSB
2-Hq USAF/NIC
2-Hq ATC/ACFR
2-Hq ATC/XPKO
2-Embassy of Vietnam
2-Vietnamese Liaison Off
2-USMACV
5-APOE Travis AFB CA
40-Ea Student

CHỨNG CHỈ TẠI-NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

BỘ TÔNG THAM MUU QLVNCH

KHÔNG QUAN

BỘ TƯ LỆNH

ĐẠI ĐỘI TÔNG HÀNH DINH KQ

Số: 845

DDTHĐKQ/NV/QT/CC .

CHỨNG NHẬN

Họ và tên: LÊ CÔNG DANH

Cấp-bậc: Trung-Ủy

Số-quân: 68/602.335

Ngày và nơi sinh: 04.01.1948 Tại Cần-Thở

Tên cha: LÊ NGỌC LUÂN

Tên mẹ: TRẦN KIM LOAN

Ngày nhập-ngũ: 03.03.1969

Thời gian gián-đoạn công-vụ: Không

Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại: BTLKQ/HQ/Ph. Quân-Bảo

Lý-do:

Do dồn dề ngày 15.8.74 để xin bổ túc hồ-sở

hoãn dịch cho Em ruột là LÊ CÔNG-HẢI

KBC 3009, ngày 19.08.1974



Đại-Ủy TRẦN-VĨNH-HÒA

Đại-Đội Trưởng

Đại-Đội Tông-Hành-Dinh Không-Đoàn

hơn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viet Nam

TỐI CAO PHÁP VIỆN
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC SỰ TÒA

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

Phong đình k. 10

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Extrait du registre actes de naissance

An bình (Cantho)

(NAM-PHẦN)

Sud Viet Nam

NĂM 1948

(Année)

SỐ HIỆU 25

(Acte No)



Reconnu et légitime par la
văn luận et Trần Kim Loan lors
de leur mariage célébré à An
bình (Cantho) le 12-1-1949.
Pour mention conforme
Cantho le 8 Décembre 1949
Le Greffier en Chef
Signé illisible

Tên họ đứa con nít
Nom et prénom de l'enfant
Lê công Danh
nam
04 Janvier 1948
An bình
Lê văn Luận
buôn bán
Hòa An Cantho
Trần kim Loan
buôn bán
Hòa An

Do án lệnh số 362 ngày 17-7-51
Tòa Phong đình cấp bản
sinh số 29 ngày 6-1-1948 tại
An bình (Cantho) của Lê công Danh
như sau:
- Tên họ người cha hoặc người khai
số là Lê ngọc Luận cho không phải
Lê văn Luận như trước
Quốc chủ
Cantho ngày 20-7-1951
Chánh lục sự
Ấn ký

Tên họ cha
Nom et prénom du père
Lê văn Luận
Cha làm nghề gì
Ses professions
buôn bán
Nhà ở
Son domicile
Hòa An
Vợ chánh hay thứ
Son rang de femme mariée
////////

Chúng tôi

Nous

Chánh án Tòa

Président du Tribunal

Chúng cho hợp pháp chữ ký tên của

Certifions l'authenticité de la signature de

Ông

M

Chánh Lục-sự Tòa án sở tại.

Greffier en chef du dit tribunal

ngày

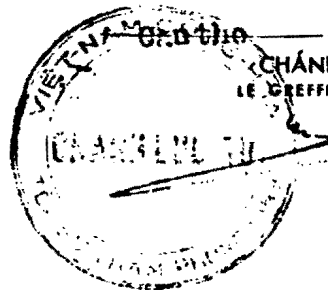
CHÁNH ÁN
LE PRÉSIDENT

Trích y bản chánh

Pour extrait conforme

Cantho, ngày 17-9-1971

CHÁNH LỤC SỰ
LE GREFFIER EN CHEF



Lê quang Tôt

Giá tiền: 150

Cout

Biên lai số: 12388

Quittance No

Khô vô mây đư
vì khô đư đư
Kiến
có thể có duplicate

67 4 22 2

Hill Country